truefriend KIS KIS Viet Nam Securities Corporation

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

# ĐIỀU LỆ

## TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

**Thành phố Hồ Chí Minh – Tháng 10 Năm 2015**

# Mục Lục

## CĂN CỨ PHÁP LÝ

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG ..... 6
ĐIỀU 1. Định nghĩa ..... 6
ĐIỀU 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật ..... 7
ĐIỀU 3. Thời hạn hoạt động của Công ty ..... 8
Chương II MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY ..... 8
ĐIỀU 4. Các lĩnh vực kinh doanh ..... 8
ĐIỀU 5. Mục tiêu hoạt động ..... 9
ĐIỀU 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán ..... 9
ĐIỀU 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh: ..... 9
ĐIỀU 8. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và hoạt động của Công ty. ..... 9
ĐIỀU 9. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty ..... 10
ĐIỀU 10. Các quy định hạn chế ..... 11
ĐIỀU 11. Các quy định về kiểm soát nội bộ ..... 11
ĐIỀU 12. Các quy định về bảo mật thông tin ..... 12
ĐIỀU 13. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp ..... 12
Chương III VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY ..... 13
ĐIỀU 14. Vốn điều lệ ..... 13
ĐIỀU 15. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ ..... 13
ĐIỀU 16. Vốn đi vay và các loại vốn khác ..... 14
ĐIỀU 17. Cổ đông của Công ty ..... 14
ĐIỀU 18. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài ..... 14
ĐIỀU 19. Các quy định về việc cử người đại diện của cổ đông ..... 14
ĐIỀU 20. Quyền và nghĩa vụ của tất cả các cổ đông ..... 15
ĐIỀU 21. Cổ phần ..... 17
ĐIỀU 22. Cổ phiếu ..... 17
ĐIỀU 23. Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần ..... 18
ĐIỀU 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty ..... 19
ĐIỀU 25. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại ..... 19
ĐIỀU 26. Phát hành Trái phiếu ..... 19

Chương IV CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY ..... 20
ĐIỀU 27. Đại hội đồng cổ đông ..... 20
ĐIỀU 28. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ..... 20
ĐIỀU 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông ..... 21
ĐIỀU 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ..... 22
ĐIỀU 31. Mời họp đại hội đồng cổ đông ..... 22
ĐIỀU 32. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông ..... 22
ĐIỀU 33. Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông ..... 23
ĐIỀU 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... 23
ĐIỀU 35. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ..... 25
ĐIỀU 36. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... 26
ĐIỀU 37. Hội đồng quản trị ..... 26
ĐIỀU 38. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ..... 27
ĐIỀU 39. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị ..... 28
ĐIỀU 40. Biên bản họp hội đồng quản trị ..... 29
ĐIỀU 41. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị ..... 30
ĐIỀU 42. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị ..... 30
ĐIỀU 43. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị ..... 30
ĐIỀU 44. Tổng Giám đốc Công ty ..... 31
ĐIỀU 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc ..... 31
ĐIỀU 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc ..... 32
ĐIỀU 47. Ban kiểm soát ..... 32
ĐIỀU 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm soát ..... 33
ĐIỀU 49. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm Ban kiểm soát ..... 34
Chương V THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ..... 35
ĐIỀU 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty ..... 35
ĐIỀU 51. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát ..... 35
Chương VI NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ..... 36
ĐIỀU 52. Nghĩa vụ của người quản lý ..... 36
ĐIỀU 53. Một số vấn đề khác ..... 36
ĐIỀU 54. Hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan ..... 36
Chương VII NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ..... 37

ĐIỀU 55. Năm tài chính ..... 37
ĐIỀU 56. Hệ thống kế toán ..... 37
ĐIỀU 57. Chế độ tài chính ..... 37
ĐIỀU 58. Kiểm toán ..... 37
ĐIỀU 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin ..... 37
ĐIỀU 60. Thông báo ..... 38
Chương VIII NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ ..... 39
ĐIỀU 61. Phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức và lập quỹ ..... 39
ĐIỀU 62. Nguyên tắc chuyển lỗ ..... 39
Chương IX TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY, TỐ TỤNG TRANH CHẤP ..... 40
ĐIỀU 63. Tổ chức lại công ty ..... 40
ĐIỀU 64. Giải thể công ty ..... 40
ĐIỀU 65. Thủ tục giải thể công ty ..... 40
ĐIỀU 66. Phá sản công ty ..... 41
ĐIỀU 67. Ban thanh lý ..... 41
ĐIỀU 68. Tố tụng và tranh chấp ..... 41
Chương X THỂ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ ..... 43
ĐIỀU 69. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ ..... 43
ĐIỀU 70. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty ..... 43
Chương XI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG ..... 44
ĐIỀU 71. Hiệu lực thi hành ..... 44

## CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và có hiệu lực ngày 01/01/2007, Luật số 62 /2010/QH12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.

Chúng tôi gồm pháp nhân và thể nhân có tên sau đây, cùng đồng ý thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động tuân theo Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán dưới hình thức công ty cổ phần và các điều khoản của Bản điều lệ này :

| TT | Tên giao dịch/Họ tên | Giấy Chứng nhận ĐKKD/CMND | Địa chỉ trụ sở chính/Nơi ở | Số tiền tham gia góp vốn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tập Đoàn Dệt May Việt Nam - Vinatex<br>Đại diện bởi: Ông Lê Quốc Ân – Chủ tịch Hội đồng Quản trị. | - Quyết định Thành lập Công ty Mẹ – Tập đoàn Dệt may Việt Nam.<br>- Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg Ngày 2/12/2005. Do Phó Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng ký. | - 25 Bà Triệu – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội, Việt Nam | Góp 29.700.000.000đồng, tương đương 22% vốn Điều lệ |
| 2 | Ông Trần Văn Ái (Thể nhân) | - Giấy CMND số 023653152 cấp ngày 17/07/1998 tại Công An Tp.HCM | - 139 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1. Tp.HCM | Góp 18.200.000.000đồng, tương đương 13,48% vốn Điều lệ |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu Hà (Thể nhân) | - Giấy CMND số 022750469 cấp ngày 28/08/1989 tại Công An Tp.HCM | - 102 Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình. Tp.HCM | Góp 11.500.000.000đồng, tương đương 8,52% vốn Điều lệ |
| 4 | Cổ đông Góp vốn | - Theo danh sách Cổ đông góp vốn đính kèm | | Góp 75.600.000.000đồng, tương đương 56% vốn Điều lệ |
| | **TỔNG CỘNG** | | | **135.000.000.000đồng** |

- **Danh sách Cơ cấu Cổ đông vào ngày có hiệu lực của Điều lệ này**:

| TT | Tên giao dịch/Họ tên | Giấy Chứng nhận ĐKKD/CMND | Địa chỉ trụ sở chính/Nơi ở | Số tiền tham gia góp vốn |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc | - GPKD số 116-81-04504 do Phòng thuế Quận Yeongdungpo cấp ngày 08/8/1974 | - 27-1 Yeouido-dong, yeongdeungpo-gu, Seoul, Republic of Korea. | Góp 1.092.468.880.000đồng tương đương 98,176% vốn Điều lệ |
| 2 | Cổ đông Góp vốn | - Theo danh sách Cổ đông Công ty | | Góp 20.297.120.000đồng tương đương 1,824% vốn Điều lệ |
| | **TỔNG CỘNG** | | | **1.112.766.000.000đồng** |

# Chương I
# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## ĐIỀU 1. Định nghĩa

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của bản Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1.1. "**Điều khoản**" là một điều khoản trong Điều lệ này.

1.1.2. "**Hội đồng quản trị**" hoặc "**HĐQT**" là hội đồng quản trị của Công ty được quy định tại Điều 37.

1.1.3. "**Trái phiếu**" là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.

1.1.4. "**Chủ tịch Hội đồng quản trị**" là chủ tịch hội đồng quản trị.

1.1.5. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành. Số cổ phần đã phát hành là số cổ phần mà các cổ đông đã thanh toán đủ cho Công ty. Tại thời điểm đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá các cổ phần do các cổ đông sáng lập và các cổ đông phổ thông khác đã đăng ký mua và được ghi trong bản Điều lệ của Công ty.

1.1.6. "**Công ty**" trong bản Điều lệ này được hiểu là CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION).

1.1.7. "**Ngày thành lập Công ty**" là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động .

1.1.8. "**Cổ tức**" là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

1.1.9. "**Cổ đông sáng lập**" là cổ đông tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của Công ty, được nêu tên cụ thể tại Danh sách Cổ đông sáng lập.

1.1.10. "**Đại hội đồng cổ đông**" là đại hội đồng cổ đông của công ty được quy định tại Điều 27.

1.1.11. "**Tổng Giám đốc**" là tổng giám đốc của Công ty được quy định tại Điều 44.

1.1.12. "**Ban kiểm soát**" là ban kiểm soát của Công ty được quy định tại Điều 47.

1.1.13. "**Pháp luật**" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

1.1.14. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

1.1.15. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006.

1.1.16. "**Người quản lý Công ty**" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác.

1.1.17. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

1.1.18. "**Ban tổ chức Đại hội**" là một nhóm nhân viên trong Công ty phụ trách tổ chức và chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông.

1.1.19. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại điểm 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

1.1.20. "**Kiểm phiếu viên**" là người kiểm phiếu để kiểm tra việc tuân theo các quy định của Công ty liên quan đến việc biểu quyết và bầu cử.

1.1.21. "**Chứng khoán**" là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản **hoặc** phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, bao gồm các loại sau đây:

i. Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ;

ii. Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm chứng khoán hoặc chỉ số chứng khoán.

1.1.22. "**Cổ đông**" là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công ty.

1.1.23. "**Cổ phiếu**" là một loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần trong Công ty.

1.1.24. "**UBCKNN**" được hiểu là Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

## ĐIỀU 2. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty, người đại diện theo pháp luật

2.1. Công ty thuộc hình thức công ty cổ phần, được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.1. Công ty là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính.

2.1.2. Lợi ích hợp pháp của pháp nhân, thể nhân góp vốn được pháp luật bảo vệ.

2.1.3. Công ty có biểu tượng riêng; biểu tượng của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

2.2. Tên Công ty

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên Giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
- Tên bằng Tiếng Anh: **KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt : **KIS**

2.3. Trụ sở Công ty:

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại: tầng 3 Toà nhà Maritime Bank, số 180-192 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình – Quận I – Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 39148585 Fax: (84-8) 38216898
- Địa chỉ trang web: www.kisvn.vn

2.4. Việc thay đổi trụ sở chính phải tuân thủ theo Luật Chứng khoán và do Hội đồng quản trị quyết định .

2.5. Người đại diện theo pháp luật

2.5.1. Đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc ("Người đại diện theo pháp luật"). Tổng Giám đốc đồng thời là người chịu toàn bộ trách nhiệm về các hoạt động của Công ty. Trong trường hợp Tổng Giám đốc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao (như được nêu tại khoản 2 điều 53 của Điều lệ này) thì đại diện tạm thời theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

2.5.2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác ("Người được ủy quyền") để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.6. Công ty có thể thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển hoặc đóng cửa các chi nhánh và văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và sau khi được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

**ĐIỀU 3. Thời hạn hoạt động của Công ty**

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 64 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

## Chương II
# MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

**ĐIỀU 4. Các lĩnh vực kinh doanh**

4.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác
- Lưu ký chứng khoán

4.2. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung một trong những loại hình kinh doanh trên sau khi được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt.

4.3. Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép.

**ĐIỀU 5. Mục tiêu hoạt động**

5.1. Mục tiêu hoạt động: Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lãnh vực chứng khoán, đầu tư tài chính, với mục tiêu thu lợi nhuận; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**ĐIỀU 6. Nguyên tắc kinh doanh chứng khoán**

6.1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;

6.2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

6.3. Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;

6.4. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

6.5. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;

6.6. Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

6.7. Phải cung cấp cho khách hàng thông tin cần thiết cho việc ra quyết định đầu tư của khách hàng;

6.8. Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

6.9. Ban hành và áp dụng các quy trình nghiệp vụ trong Công ty phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và Pháp luật liên quan.

**ĐIỀU 7. Phạm vi hoạt động kinh doanh:**

7.1. Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của các pháp luật hiện hành.

7.2. Công ty chỉ được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ tài chính khác trong nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và được Luật Chứng khoán cho phép. Trường hợp công ty cung cấp dịch vụ, sản phẩm mới phải được sự chấp thuận trước của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

**ĐIỀU 8. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và hoạt động của Công ty.**

8.1. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.

8.2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

8.3. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban kiểm soát.

8.4. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng Giám đốc.



Ông Oh Kyung Hee

**ĐIỀU 9. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty**

9.1. Quyền của công ty:

9.1.1. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và pháp luật hiện hành;

9.1.2. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng đối với các giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính;

9.1.3. Ưu tiên thuê mướn lao động trong nước (người Việt Nam), bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định pháp luật;

9.1.4. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;

9.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật;

9.1.6. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;

9.1.7. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện.

9.1.8. Từ chối hoặc tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9.1.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

9.2. Nghĩa vụ của công ty

9.2.1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký;

9.2.2. Công ty luôn tuân thủ các quy định về tỉ lệ mức vốn khả dụng tối thiểu, về hạn mức đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một công ty khác, về mức giới hạn của giá trị bảo lãnh phát hành chứng khoán… đã được quy định trong các văn bản pháp lý hiện hành về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;

9.2.3. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn;

9.2.4. Giao dịch trung thực và công bằng, vì lợi ích của khách hàng;

9.2.5. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước khi thực hiện lệnh của Công ty;

9.2.6. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra kiểm soát nội bộ để đảm bảo hoạt động của Công ty và nhân viên của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật;

9.2.7. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty;

9.2.8. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;

9.2.9. Bảo mật thông tin liên quan đến khách hàng trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật;

9.2.10. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty;

9.2.11. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao

dịch của khách hàng và của công ty;

9.2.12. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

9.2.13. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

9.2.14. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

9.2.15. Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 104 của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

9.2.16. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán;

9.2.17. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại quy chế của Trung tâm lưu ký chứng khoán;

9.2.18. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan;

9.2.19. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó;

9.2.20. Tuân thủ các nguyên tắc khác theo quy định của Pháp luật

## ĐIỀU 10. Các quy định hạn chế

10.1. Quy định hạn chế đối với Công ty

10.1.1. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

10.1.2. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

10.1.3. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

10.1.4. Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán, trừ trường hợp Bộ Tài chính có quy định khác.

10.2. Quy định hạn chế đối với Tổng Giám đốc Công ty và người hành nghề chứng khoán của Công ty:

10.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;

10.2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán khác hoặc công ty quản lý quỹ;

10.2.3. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.

10.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;

10.2.5. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được khách hàng uỷ thác;

## ĐIỀU 11. Các quy định về kiểm soát nội bộ

11.1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong



Ông Oh Kyung Hee

nội bộ Công ty.

11.2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ.

11.3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

11.4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Ban lãnh đạo Công ty để nâng cao hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nội bộ.

## ĐIỀU 12. Các quy định về bảo mật thông tin

12.1. Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

12.2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

12.2.1. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

12.2.2. Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;

12.2.3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

## ĐIỀU 13. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

13.1. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành dưới hình thức văn bản phải được được công bố rộng rãi trong Công ty. Công ty sẽ quy định trong nội quy của Công ty và đưa chi tiến nội dung cụ thể hơn của bộ quy tắc đạo đức này vào nội quy của Công ty.

13.2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt bộ quy tắc này.

13.3. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Công ty.

# Chương III
# VỐN ĐIỀU LỆ, CHỦ SỞ HỮU VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

## ĐIỀU 14. Vốn điều lệ

Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của công ty là 1.112.766.000.000$^{VNĐ}$ (Một nghìn một trăm mười hai tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu đồng Việt nam). Được chia làm 111.276.600 (Một trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm) cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 (mười ngàn) đồng. Các cổ phần phổ thông này được tự do chuyển nhượng trừ quy định tại Điều 23.2.2.

## ĐIỀU 15. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ

15.1. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của công ty phải được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật.

15.2. Vốn Điều lệ của Công ty có thể được tăng thêm hoặc giảm bớt tùy theo nhu cầu kinh doanh, đầu tư và quy mô hoạt động của Công ty. Việc tăng hoặc giảm vốn Điều lệ sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định và phù hợp với các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước khi:

15.2.1. Công ty có nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh; hoặc

15.2.2. Công ty bị giảm vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán hiện thời và phương án huy động vốn từ các nguồn bên ngoài không thực hiện được.

15.3. Vốn điều lệ của công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

15.3.1. Phát hành Cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật;

15.3.2. Chuyển đổi Trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;

15.3.3. Thực hiện trả Cổ tức bằng Cổ phiếu;

15.3.4. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn Điều lệ.

15.3.5. Chuyển từ các quỹ sở hữu và/hoặc giữ lại lợi nhuận để chuyển thành cổ phần cho các cổ đông hoặc chuyển Trái phiếu thành Cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Pháp luật.

15.4. Hội đồng quản trị sẽ xác định thời điểm, phương thức và giá cổ phần sẽ được chào bán đối với số lượng cổ phần được chào bán. Giá cổ phần được chào bán này sẽ có thể cao hơn mệnh giá cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường và thời điểm chào bán trừ cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ nắm giữ trong Công ty.

- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành, khoản thặng dư này sẽ không được xem là vốn cổ phần cho tới khi được chuyển đổi thành cổ phần và kết chuyển vào vốn đầu tư của Công ty
  - "Thặng dư vốn cổ phần = (giá phát hành - mệnh giá) x số lượng cổ phần phát hành";

  Phần thặng dư vốn cổ phần được kết chuyển theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.5. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng cổ đông tại thời điểm phát hành. Công ty phải thông báo

việc chào bán, số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán, và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần này cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

15.6. Đại hội đồng cổ đông quyết định giảm Vốn điều lệ của Công ty, nhưng phải bảo đảm điều kiện vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.7. Công ty không sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, việc phân chia tài sản được thực hiện theo quy định về giải thể, phá sản của Điều lệ này và tuân theo các quy định của Pháp luật.

## ĐIỀU 16. Vốn đi vay và các loại vốn khác

16.1. Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng hoặc phát hành các loại chứng khoán nợ ra công chúng và các hình thức huy động khác theo Pháp luật. Công ty được tiếp nhận vốn uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các loại vốn khác theo luật định.

16.2. Công ty có quyền phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại Trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Công ty để phát triển kinh doanh.

16.3. Hội đồng quản trị quyết định loại Trái phiếu, tổng giá trị Trái phiếu phát hành, phương thức phát hành và thời điểm phát hành.

## ĐIỀU 17. Cổ đông của Công ty

Cổ đông là cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã thanh toán đủ tiền mua cổ phần chuyển nhượng và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

## ĐIỀU 18. Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư Nước ngoài

- Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần để sở hữu không hạn chế vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam theo quy định của Nghị định số: 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015.

## ĐIỀU 19. Các quy định về việc cử người đại diện của cổ đông

19.1. Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

19.2. Người đại diện cho nhóm cổ đông là người được nhóm cổ đông đó ủy quyền bằng văn bản.

19.3. Việc ủy quyền người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm bằng văn bản theo mẫu do Công ty quy định và có chữ ký theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp cổ đông muốn thay đổi đại diện, cổ đông đó phải gửi thông báo bằng văn bản đính kèm thư ủy quyền mới đến Hội đồng quản trị.

19.4. Cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười (10) phần trăm tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm tương ứng, thì được quyền cử nhiều người đại diện, trong đó mỗi người đại diện phải đại diện cho ít nhất mười (10) phần trăm tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm tương ứng.

**ĐIỀU 20. Quyền và nghĩa vụ của tất cả các cổ đông**

20.1. Quyền của các cổ đông:

20.1.1. Tham dự và đưa ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết.

20.1.2. Được nhận cổ tức hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

20.1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty trừ trường hợp phát hành cổ phiếu mới cho bên thứ ba không phải là cổ đông hiện hữu theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20.1.4. Được chuyển nhượng, thừa kế hoặc cầm cố cổ phần của Công ty theo Điều lệ Công ty và theo Pháp luật hiện hành.

20.1.5. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ phải thực hiện và hoàn trả cho các cổ đông ưu đãi (nếu có) theo Pháp luật.

20.1.6. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

20.1.7. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện để thực hiện quyền cổ đông của mình theo quy định tại điều 19.4 của Điều lệ này. Trường hợp có nhiền hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất

20.1.8. Trong trường hợp biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này, cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại số cổ phần do mình sở hữu theo các nguyên tắc sau:

i. Yêu cầu đó phải bằng văn bản và ghi rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu đó phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề quy định tại khoản này.

ii. Giá mua lại một (01) cổ phần của Công ty căn cứ theo giá thị trường trung bình [giá thị trường là giá đóng cửa của một (01) cổ phần của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc UPCoM khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc bán] trong thời hạn hai mươi (20) ngày giao dịch trước

ngày có quyết định (không bao gồm ngày có quyết định) mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông. Trong trường hợp không có giá thị trường, giá mua lại được tính trên cơ sở sau:

- Căn cứ vào số liệu của báo cáo tài chính được duyệt gần nhất, giá trị 1 cổ phần của Công ty được tính như sau :

$$\text{Giá trị 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phần của Công ty}}$$

- Nguồn vốn chủ sở hữu là tổng số vốn của tất cả các cổ đông. Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu; thặng dư vốn cổ phần; vốn khác của chủ sở hữu; cổ phiếu quỹ; chênh lệch đánh giá lại tài sản; chênh lệnh tỷ giá hối đoái; quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận (hoặc lỗ) cộng dồn.

- Trường hợp giá trị 1 cổ phần bằng hoặc cao hơn 10.000 đồng/cổ phần thì giá mua lại cổ phần của Công ty là 10.000 đồng/cổ phần.

- Trường hợp giá trị 1 cổ phần thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần thì giá mua lại cổ phần của Công ty là giá trị 1 cổ phần được tính như trên.

iii. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội đồng quản trị phải xem xét và có ý kiến trả lời về đề nghị mua lại cổ phần của cổ đông.

20.1.9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười (10) phần trăm số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền:

i. Đề cử người tham gia vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;

ii. Xem xét và trích lục sổ biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát.

iii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

iv. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

v. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

vi. Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

20.2. Nghĩa vụ của các cổ đông:

20.2.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với nguồn vốn góp.

20.2.2. Chịu rủi ro về thua lỗ và gánh chịu các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty (nếu có) theo tỷ lệ và trong phạm vi tương ứng với phần vốn góp vào Công ty.

20.2.3. Tuân thủ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

20.2.4. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

20.2.5. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín Công ty, giữ bí mật các hoạt động nghiệp vụ

của Công ty.

20.2.6. Các cổ đông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản chính thức cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình để Công ty có điều kiện chuyển thông báo và tài liệu khi có yêu cầu.

20.2.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

20.2.8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

i. Vi phạm Pháp luật;

ii. Tiến hành kinh doanh hoặc các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

20.3. Nghĩa vụ của cổ đông lớn của Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán

- Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

## ĐIỀU 21. Cổ phần

21.1. Công ty có cổ phần phổ thông. Chủ sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông.

21.2. Cổ phần phổ thông: mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết.

21.3. Cổ phần ưu đãi: Tùy theo tình hình thị trường tài chính, và sử dụng vốn của Công ty, Hội đồng quản trị có thể kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông để quyết định phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi khác như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương cách áp dụng. Quyền của các cổ phần ưu đãi này (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

## ĐIỀU 22. Cổ phiếu

22.1. Cổ đông Công ty được cấp Chứng chỉ hoặc Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

22.2. Chứng nhận Cổ phiếu của Công ty là Chứng nhận Cổ phiếu Ghi danh.

22.3. Chứng nhận Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

22.4. Đăng ký Cổ phiếu:

22.4.1. Chủ sở hữu Chứng nhận Cổ phiếu có ghi danh, bất kể tên đã được đề cập trong Chứng nhận Cổ phiếu, phải đăng ký tên cổ đông và số lượng cổ phần nắm giữ vào sổ cổ đông của Công ty.

22.4.2. Trong thời hạn quy định của Công ty, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo phương án phát hành

cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu và phải thanh toán cho Công ty một khoản phí theo quy định (nếu có).

22.4.3. Chủ sở hữu cổ phần do chuyển nhượng hoặc thừa kế chỉ được trở thành cổ đông chính thức của Công ty sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phiếu của mình tại văn phòng Công ty theo quy định của Pháp luật. Kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký cổ phiếu, chủ sở hữu cổ phiếu mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông Công ty.

22.4.4. Nếu Chứng nhận Cổ phiếu bị mờ, hư hỏng hoặc mất thì cổ đông nắm giữ Chứng nhận cổ phiếu đó phải báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để xử lý. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý này do cổ đông đó đảm trách.

22.4.5. Trường hợp Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký Cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

22.5. Sổ đăng ký cổ đông

22.5.1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

22.5.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

ii. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

iv. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

22.5.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc và cả tại Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam.

22.5.4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán trong thời hạn quy định của pháp luật, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

## ĐIỀU 23. Chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

23.1. Chào bán cổ phần:

23.1.1. Công ty được chào bán cổ phần ra công chúng khi đáp ứng các điều kiện chào bán cổ phần ra công chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán;

23.1.2. Công ty phải đăng ký với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng;

23.1.3. Phương thức, thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng được thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng của Luật Chứng khoán.

23.2. Chuyển nhượng cổ phần

23.2.1. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn mua-bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty. Khi Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì toàn bộ cổ phần phải lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và việc chuyển nhượng phải tuân thủ theo quy định

của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

23.2.2. Cổ phần có thể được chuyển nhượng tự do, trừ trường hợp như sau:

i. Các trường hợp quy định tại Điều lệ và Pháp luật;

ii. Có sự đồng ý giữa các cổ đông.

23.3. Trường hợp cổ đông pháp nhân được sáp nhập, hợp nhất hoặc được thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới phải gởi cho Công ty các văn bản pháp lý về sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế. Hội đồng quản trị Công ty đối chiếu với các quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty có liên quan để xử lý về trường hợp này.

23.4. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác.

## ĐIỀU 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

24.1. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính mình không quá mười (10) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông đã chào bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

i. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười (10) phần trăm tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng;

ii. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

24.2 Trường hợp Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán khi mua lại cổ phiếu của chính mình phải công khai thông tin về viêc mua lại 07 ngày trước khi thực hiện mua lại.

## ĐIỀU 25. Điều kiện thanh toán cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 20.1.8 và Điều 24 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

## ĐIỀU 26. Phát hành Trái phiếu

26.1. Công ty có quyền phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại công cụ nợ khác theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của Công ty để phát triển kinh doanh.

26.2. Hội đồng quản trị quyết định loại Trái phiếu, tổng giá trị Trái phiếu phát hành, phương thức phát hành và thời điểm phát hành, nhưng Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

26.3. Công ty thừa nhận quyền chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế của các chủ nợ sở hữu Trái phiếu của Công ty. Việc chuyển nhượng, cầm cố và thừa kế phải tuân theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

26.4. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong những trường hợp sau trừ trường hợp quy định tại Luật Chứng khoán:

26.4.1. (i) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của Trái phiếu đã phát hành, không thanh toán các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó;

26.4.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho Trái phiếu định phát hành;

26.4.3. Phát hành Trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được chọn không bị giới hạn theo quy định tại Điều 26.4.1 và Điều 26.4.2 của Điều lệ này.

# Chương IV
# CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

- **Cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình Công ty gồm:**
  - Đại hội đồng cổ đông
  - Hội đồng quản trị
  - Tổng Giám đốc
  - Ban kiểm soát.

## ĐIỀU 27. Đại hội đồng cổ đông

27.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

27.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông:

27.2.1. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

27.2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

27.2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

27.2.4. Thông qua báo cáo định kỳ của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát;

27.2.5. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

27.2.6. Xem xét và xử lý các vi phạm của các thành viên của Hội đồng quản trị và/hay thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

27.2.7. Quyết định việc tăng, giảm, bổ sung vốn Điều lệ của Công ty, phát hành cổ phiếu;

27.2.8. Quyết định việc giải thể, chia, tách, sát nhập, hợp nhất hoặc tái cơ cấu Công ty;

27.2.9. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ;

27.2.10. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty;

27.2.11. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy định liên quan.

27.3. Đại hội Đồng cổ đông bất thường được triệu tập để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cần có quyết sách kịp thời.

## ĐIỀU 28. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

28.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

28.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

28.3. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp sau:

28.3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

28.3.2. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật;

28.3.3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.1.9;

28.3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi phát sinh một trong số các trường hợp sau đây:

i. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này;

ii. Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

28.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Điều 28.3.2 hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại Điều 28.3.3 và 28.3.4. Nếu Chủ tịch hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại xảy ra cho Công ty.

28.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 28.4, trong thời hạn ba mươi (30) ngày từ ngày hết hạn như quy định tại Điều 28.4, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát sẽ chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

28.6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu theo Điều 20.1.9 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

28.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gởi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định.

## ĐIỀU 29. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

29.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

29.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

29.2.1. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của công ty;

29.2.2. Khẳng định thời gian và địa điểm cuộc họp.

29.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 20.1.9 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gởi

đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

29.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :

29.4.1. Kiến nghị được gởi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

29.4.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

29.4.3. Kiến nghị không phù hợp với Điều lệ này hoặc các quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

30.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và các quy định được nêu trong Điều 32 của Điều lệ này.

30.2. Trong trường hợp Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo các quy định của luật áp dụng cho chứng khoán và thị trường chứng khoán.

30.3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

30.4. Mỗi cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

30.5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**ĐIỀU 31. Mời họp đại hội đồng cổ đông**

31.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc. Giấy mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày và nơi cấp giấy đăng ký kinh doanh; tên và địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

31.2. Thư mời họp sẽ đính kèm một giấy ủy quyền cho người đại diện tham dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết và các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết của từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu Công ty có trang web, giấy mời họp và các tài liệu đính kèm sẽ được công bố trên trang web cùng thời điểm gửi đến các cổ đông.

**ĐIỀU 32. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông**

32.1. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông tự chịu trách nhiệm các chi phí ăn ở đi lại trong suốt quá trình dự họp Đại hội đồng cổ đông.

32.2. Việc ủy quyền phải được thực hiện tương tự như việc cử người đại diện được quy

định trong Điều 19 của Điều lệ này. Người được ủy quyền phải trình văn bản uỷ quyền cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.

32.3. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

## ĐIỀU 33. Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

33.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm (65) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

33.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi mốt (51) phần trăm số cổ phần có quyền biểu quyết.

33.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

33.4. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch hội đồng quản trị làm chủ tọa. nếu chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ bầu một trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo đa số, trường hợp không ai có thể làm Chủ tọa cuộc họp thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

33.5. Trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo Điều 28.5 của Điều lệ này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

## ĐIỀU 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các cổ đông có quyền biểu quyết.

34.1. Việc biểu quyết tại phiên họp chính thức của Đại Hội đồng cổ đông được thực hiện theo nguyên tắc công khai, trực tiếp hoặc bằng hình thức bỏ phiếu kín và tuân theo các quy định cụ thể như sau:

34.1.1. Số phiếu của mỗi người tham dự Đại hội đồng cổ đông khi biểu quyết được tính bằng số phiếu biểu quyết mà người đó nắm giữ.

34.1.2. Các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số người tham dự đại hội đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

34.1.3. Các quyết định sau đây được thông qua khi được số người tham dự đại hội đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận:

i. Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;

ii. Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty

iii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

iv. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

34.1.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

34.1.5. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết sẽ được xem xét và giải quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

34.2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết đối với lợi ích của Công ty, cách thức tiến hành như sau:

34.2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề:

i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

ii. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

iii. Thông qua định hướng phát triển Công ty.

34.2.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu khác để giải thích dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu, dự thảo quyết định và các tài liệu giải thích khác được gửi bằng phương tiện bảo đảm đến địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

i. Phiếu lấy ý kiến phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu: (a) tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty ; (b) Mục đích lấy ý kiến, (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (dd) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (g) Họ, tên, chữ ký trực tiếp của Cổ đông hoặc người đại diện uỷ quyền.

ii. Phiếu bầu phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu: (a) tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty ; (b) Mục đích lấy ý kiến, (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; (d) Tên ứng viên và số phiếu bầu cho ứng viên; (e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; (g) Họ, tên, chữ ký trực tiếp của Cổ đông hoặc người đại diện uỷ quyền.

34.2.3. Các tài liệu có liên quan phải được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu

bầu đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

34.2.4. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu đã được trả lời phải là phiếu có đóng dấu treo của Công ty và có chữ ký trực tiếp của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

34.2.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau: (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; (dd) Các quyết định đã được thông qua; (e) kết quả bầu cử; (h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

34.2.6. Quyết định được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Kết quả bầu cử theo quy định bầu dồn phiếu.

34.2.7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

34.2.8. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản được gửi về, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết bằng văn bản đã được thông qua và văn bản liên quan đã gửi, tất cả phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

34.3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp trong vòng 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

## ĐIỀU 35. Biên bản họp đại hội đồng cổ đông

35.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là chủ tịch của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thành viên tham dự sẽ chỉ định thư ký là người chịu trách nhiệm chuẩn bị biên bản cuộc họp. Thư ký có quyền kiểm tra hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị xem xét tư cách dự họp Đại hội đồng cổ đông của những người tham gia. Đại hội đồng sẽ quyết định cuối cùng về vấn đề này.

35.2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có biên bản và được ghi chép vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và 02 (hai) kiểm phiếu viên phiên họp (nếu có). Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc 02 (hai) Ủy viên Hội đồng quản trị hoặc sao y theo quy định pháp luật mới có giá trị mới có giá trị.

35.3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

- Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông;
- Chủ tọa và Ban thư ký (Thư ký), Ban kiểm phiếu (nếu có);
- Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- Họ tên, chữ ký của Chủ toạ và Thư ký (hoặc Ban thư ký).

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau.

35.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp nếu có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội cổ đông phải được lập thành Nghị quyết Đại hội cổ đông.

## ĐIỀU 36. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản do Hội đồng quản trị nhận được, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc trọng tài xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

36.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

36.2. Trình tự thủ tục ban hành quyết định và nội dung quyết định trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## ĐIỀU 37. Hội đồng quản trị

37.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

37.2. Hội đồng quản trị có tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa 07 (bảy) thành viên; có ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam.

37.3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) theo quy định của Điều lệ này. Chủ tịch và Phó chủ tịch (nếu có) sẽ được bổ nhiệm từ thành viên của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời không làm việc được, phó chủ tịch (nếu có) sẽ tạm thời đảm nhận nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp Công ty không có Phó chủ tịch thì một thành viên sẽ tạm thời đảm nhận nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo sự bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

37.4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là bốn (04) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là bốn (04) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

37.5. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ



Ông Oh Kyung Hee_____.

sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiễm, bãi nhiễm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

37.6. Hội đồng quản trị sẽ thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc quá bán hơn 50% thành viên dự họp. Mỗi thành viên của Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

37.7. Thành viên Hội đồng quản trị có đủ năng lực hành vi dân sự, và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

37.8. Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (5) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông của Công ty nhưng có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

37.9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm thực hiện kinh doanh cho Công ty;

37.10. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

37.11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên có thể ủy quyền cho người khác dự họp.

**ĐIỀU 38.** Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

38.1. Quyết định chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

38.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

38.3. Quyết định giá và phương thức chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

38.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và Trái phiếu của Công ty.

38.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này.

38.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ.

38.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 54.1 của Điều lệ này;

38.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác của Công ty theo quy định Điều lệ Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

38.9. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

38.10. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của công ty khác.

38.11. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

38.12. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

38.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý

lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

38.14. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

38.15. Đề xuất việc bầu cữ và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

38.16. Các quyền và nhiệm vụ khác khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện.

38.17. Quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và tất cả các quyền khác không quy định theo Điều lệ này hình thành một phần của bộ phận khác của Công ty hoặc chức vụ trong Công ty.

**ĐIỀU 39.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

39.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc một nơi khác hoặc có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc tiến hành cuộc họp, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp cuộc họp.

39.2. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (1) lần.

39.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

39.3.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

39.3.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc;

39.3.3. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

39.3.4. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đính, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

39.4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 39.3. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và một phó chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều 39.3; trường hợp phó chủ tịch không tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, người yêu cầu sẽ có quyền thay thế Hội đồng quản trị để tổ chức cuộc họp hội đồng quản trị.

39.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp ít nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp, trường hợp nếu xét thấy cần thiết đối với lợi ích của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT không cần tuân thủ quy định gửi thông báo mời họp trước 5 ngày như quy định. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình và các vấn đề thảo luận và quyết định và kèm theo bất kỳ phiếu biểu quyết và các văn bản được sử dụng cho cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử và phương thức gửi khác bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được.

39.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến tất cả các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

không phải đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự họp hội đồng quản trị và thảo luận các vấn đề nhưng không được biểu quyết.

39.7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín được niêm phong và gửi cho chủ tịch Hội đồng thành viên ít nhất trước 1 giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

39.8. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên có thể ủy quyền cho người khác dự họp.

39.9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lần đầu sẽ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

39.10. Trường hợp số thành viên theo quy định không tham dự cuộc họp được triệu tập đề cập tại Điều 39.9, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp sẽ được tiến hành khi có hơn 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

## ĐIỀU 40. Biên bản họp hội đồng quản trị

40.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi chép thành biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được ghi vào "Sổ biên bản" có đánh số trang liên tục, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Biên bản cũng có thể được lập dưới dạng văn bản rời, có chữ ký của Chủ toạ và Thư ký cuộc họp, hoặc chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

40.2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ ít nhất các nội dung chủ yếu sau đây:

- Thời gian và địa điểm họp;
- Họ tên và chức vụ của những người dự họp;
- Chương trình nghị sự;
- Nội dung các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; kết quả biểu quyết;
- Tóm tắt các ý kiến được phát biểu tại cuộc họp;
- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp;
- Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả các thành viên dự họp.

40.3. Chủ tọa, Thư ký cuộc họp và những người ký tên vào biên bản họp Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

40.4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có tính chất bắt buộc đối với toàn bộ nhân viên trong Công ty. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

40.5. Khi có vấn đề cần giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề này để có căn cứ quyết định. Trong

vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên đó phải gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị..

**ĐIỀU 41. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị**

41.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý các bộ phận, đơn vị khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

41.2. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐIỀU 42. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị**

42.1. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đơn, văn bản gởi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị họp để xem xét và quyết định.

42.2. Các thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm phải có đơn gởi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

42.3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi miễn trong các trường hợp:

42.3.1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

42.3.2. Từ chức;

42.3.3. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

42.3.4. Bị bãi miễn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

42.4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**ĐIỀU 43. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị**

43.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

43.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm..

43.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn:

43.3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

43.3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;

43.3.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

43.3.4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

43.3.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

43.3.6. Quy định phương pháp làm việc trong Hội đồng quản trị và phân công công tác các thành viên.

43.4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc, một phó chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ đảm nhận nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu phó chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắt quá bán nhiều hơn 50%.

## ĐIỀU 44. Tổng Giám đốc Công ty

44.1. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và được sự uỷ nhiệm đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Sự bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc điều hành phải tuân thủ các quy định của Phát luật.

44.2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

44.3. Tổng Giám đốc Công ty phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau :

44.3.1. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

44.3.2. Không phải là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm người đại diện theo uỷ quyền;

44.3.3. Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;

44.3.4. Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy đinh tại khoản 1.b Điều 79 Luật chứng khoán;

44.3.5. Không phải là người hành nghề đã bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1b Điều 80 của Luật Chứng khoán;

44.3.6. Không được làm Giám đốc (Tổng giám đốc) của công ty khác trong cùng thời điểm;

44.3.7. Không phải là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, bị tuyên bố phá sản trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản do nguyên nhân bất khả kháng;

## ĐIỀU 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

45.1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chấp thuận hợp đồng mua, bán, cho vay, vay và các hợp đồng khác có giá trị ít hơn mười (10) phần trăm tổn giá trị tài sản ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và Người có liên quan ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này

45.2. Tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng



Ông Oh Kyung Hee

quản trị.

45.3. Tổ chức thực hiện và kiểm tra mọi hoạt động theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

45.4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.

45.5. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chuẩn y về chính sách khách hàng, quan hệ đối ngoại, tiêu chuẩn nhân viên, chính sách cán bộ, chính sách đào tạo của Công ty.

45.6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của các cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc điều hành.

45.7. Ban hành các quy chế cụ thể liên quan đến tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc; nội quy lao động; chế độ tiền lương, thưởng phạt, kỷ luật, bảo hiểm xã hội và phúc lợi trên cơ sở chấp hành pháp luật hiện hành.

45.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức.

45.9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng quản trị.

45.10. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị để giải quyết những việc vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc.

45.11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

45.12. Trình Hội đồng quản trị các báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty.

45.13. Chịu trách nhiệm về những sai phạm nghiệp vụ gây ra tổn thất cho Công ty ở các mức độ:

i. Trực tiếp gây ra tổn thất;

ii. Gián tiếp gây ra tổn thất;

iii. Liên đới chịu trách nhiệm.

45.14. Tổng Giám đốc điều hành có quyền từ nhiệm. Khi muốn từ nhiệm, Tổng Giám đốc điều hành phải có đơn gởi Hội đồng quản trị để xem xét và quyết định. Đơn đề nghị của Giám đốc điều hành phải gởi ít nhất trước 60 ngày so với ngày dự kiến từ nhiệm.

## ĐIỀU 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

46.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 44.3 của Điều lệ này;

46.2 Có đơn xin từ chức;

46.3 Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật

## ĐIỀU 47. Ban kiểm soát

47.1. Ban Kiểm soát tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát sẽ không quá năm (5) năm, thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát sẽ bầu một trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ít nhất một thành viên Ban kiểm soát có kinh nghiệm về kế toán.

47.2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, và chịu trách nhiệm trước Pháp luật và

Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

47.3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

47.3.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

47.3.2. Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác;

47.3.3. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

47.3.4. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;

47.3.5. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

47.3.6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

47.3.7. Có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán.

## ĐIỀU 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của ban kiểm soát

48.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

48.2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu theo quy định tại Điều 20.1.9.

48.3. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

48.4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.5. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.6. Kiểm soát viên sẽ phải chịu trách nhiệm khi bỏ qua không sử dụng những quyền hạn và phương tiện theo thẩm quyền để ngăn chặn những sự kiện mình biết sẽ gây thiệt hại cho Công ty.

48.7. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liêu quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

48.8. Trưởng Ban kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường nếu thấy cần thiết.

48.9. Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về

hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Trường hợp người quản lý của Công ty vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 52 của Điều lệ này, Ban kiểm soát phải gửi thư thông báo ngay đến Hội đồng quản trị, yêu cầu chấm dứt vi phạm và khắc phục hậu quả.

48.10. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao và đài thọ các chi phí cần thiết và hợp lý theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

48.11. Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

48.12. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ..

48.13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

48.13.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

48.13.2. Báo cáo của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

48.13.3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

48.13.4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

**ĐIỀU 49.** Miễn nhiệm, Bãi nhiệm Ban kiểm soát

49.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

49.1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 47.3 của Điều lệ này;

49.1.2. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

49.1.3. Có đơn xin từ chức;

49.1.4. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

49.2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

49.3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

# Chương V
# THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**ĐIỀU 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty**

50.1. Công ty trả thù lao, tiền lương cho **Người quản lý** của Công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

50.2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:

50.2.1. Tổng thù lao của tất cả thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

50.2.2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

50.2.3. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng theo quyết định của HĐQT.

**ĐIỀU 51. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát**

51.1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

51.2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

51.3. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.



Ông Oh Kyung Hee

# Chương VI
# NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**ĐIỀU 52. Nghĩa vụ của người quản lý**

Người quản lý của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

52.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;

52.2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

52.3. Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì :

52.3.1. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

52.3.2. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

52.3.3. Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

52.4. Các nghĩa vụ khác theo luật định.

**ĐIỀU 53. Một số vấn đề khác**

53.1. Kế toán trưởng tại Công ty không được là người có liên quan với Tổng Giám đốc Công ty.

53.2. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc:

53.2.1. chết hoặc không có năng lực hành vi dân sự;

53.2.2. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

53.2.3. Mất tư cách đại diện quản lý cổ phần của cổ đông pháp nhân;

53.2.4. Không đáp ứng một trong số các điều kiện của mỗi chức danh theo quy định của Điều lệ này.

**ĐIỀU 54. Hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan**

54.1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

54.1.1. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

54.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

54.1.3. Người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

54.2 Hợp đồng hoặc giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều 54.1 và các quy định khác.

# Chương VII
# NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

## ĐIỀU 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

## ĐIỀU 56. Hệ thống kế toán

56.1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê;

56.2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty;

## ĐIỀU 57. Chế độ tài chính

57.1. Chế độ tài chính và báo cáo thường niên của Công ty phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về cả nội dung và thời gian.

57.2. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính sau:

i. Bảng cân đối kế toán;
ii. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
iii. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
iv. Thuyết minh báo cáo tài chính;
v. Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

57.3. Các báo cáo tài chính này được gửi tới Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị trước phiên họp Hội đồng quản trị 07 ngày để các Kiểm soát viên và Hội đồng quản trị xem xét và được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với Biên bản họp Đại hội được lưu lại tại Văn phòng Công ty. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## ĐIỀU 58. Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận xác nhận. Trường hợp công ty mới đi vào hoạt động chưa đủ thời gian 4 tháng cho đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính của năm đó không phải kiểm toán.

## ĐIỀU 59. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

59.1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, theo

yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi cần thiết. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu báo cáo.

59.2. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

59.3. Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin ra công chúng theo quy định của pháp luật.

59.4. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

59.5. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

**ĐIỀU 60. Thông báo**

60.1. Mọi thông báo hoặc tài liệu được phát hành và chuyển cho cổ đông sẽ do Công ty chuyển trực tiếp đến các cổ đông. Trong trường hợp thông báo hoặc tài liệu của Công ty được chuyển qua đường bưu điện đến địa chỉ do cổ đông đăng ký thì Công ty sẽ phải đồng thời thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng.

60.2. Các thông báo mà luật pháp bắt buộc phải bố cáo theo luật định.

# Chương VIII
# NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

## ĐIỀU 61. Phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức và lập quỹ

61.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối mỗi niên khoá tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ khác không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong các phiên họp thường niên

61.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thành lập, tỷ lệ các quỹ không bắt buộc như: quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi; các quỹ khác (nếu có).

61.3. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

61.4. Căn cứ kết quả kinh doanh hàng năm và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể chia hoặc không chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

61.5. Trước khi phân chia cổ tức cho tất cả các cổ đông, lợi nhuận hàng năm của Công ty được sử dụng theo các trình tự sau:

61.5.1. Bù đắp các khoản chi không được ghi vào chi phí tính thuế của Công ty.

61.5.2. Trích lập các Quỹ:

i. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bắt buộc bằng năm (5) phần trăm lợi nhuận sau thuế để dự trữ bổ sung vốn Điều lệ cho đến khi bằng một trăm (100) vốn Điều lệ của Công ty;

ii. Quỹ dữ trữ bắt buộc năm (5) phần trăm lợi nhuận sau thuế để dự trữ tài chính và rủi ro nghề nghiệp cho đến khi bằng mười (10) phần trăm vốn Điều lệ của Công ty;

iii. Quỹ dự trữ đối với việc giảm giá chứng khoán;

iv. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo một tỷ lệ nhất định do Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm để thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty;

v. Các Quỹ trích lập khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.

61.5.3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm duyệt danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thông báo về việc chi trả cổ tức đến các cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện việc chi trả này.

61.5.4. Tuỳ thuộc tình hình kinh doanh và pháp luật cho phép, Hội đồng quản trị có thể quyết định việc ứng trước cổ tức cho các cổ đông.

## ĐIỀU 62. Nguyên tắc chuyển lỗ

Khi kinh doanh thua lỗ, Công ty sẽ chuyển lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ sẽ không quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo luật định.

# Chương IX
# TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY, TỐ TỤNG TRANH CHẤP

## ĐIỀU 63. Tổ chức lại công ty

63.1. Công ty có thể được tổ chức lại dưới các hình thức luật định như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể Công ty được thực hiện theo đề nghị của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

63.2. Thủ tục tổ chức lại Công ty bằng các hình thức nêu trên thực hiện theo các quy định tại các điều khoản có liên quan của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

## ĐIỀU 64. Giải thể công ty

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

64.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi Công ty bị thua lỗ 3/4 Vốn chủ sở hữu hoặc gặp khó khăn không còn khả năng hoạt động kinh doanh; mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được hoặc không đem lại hiệu quả;

64.2. Công ty không đủ số thành viên tối thiểu theo Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;

64.3. Công ty bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty;

64.4. Có yêu cầu chính đáng của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 2/3 vốn Điều lệ của Công ty.

64.5. Việc giải thể Công ty trong bất kỳ trường hợp nào đều phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định với sự đồng ý của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 3/4 vốn Điều lệ của Công ty.

64.6. Trường hợp công ty giải thể trước khi kết thúc thời hạn hoạt động phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận

## ĐIỀU 65. Thủ tục giải thể công ty

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo các trình tự sau:

65.1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở Công ty;
- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Thời hạn thanh toán nợ không vượt quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua;
- Thành lập Tổ thanh lý tài sản. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tổ thanh lý phải được quy định cụ thể trong một phụ lục đính kèm quyết định giải thể Công ty;
- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

65.2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày quyết định giải thể được thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tất cả các chủ nợ của Công ty; người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp. Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ, thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ đồng thời quyết định giải thể phải được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và đăng trên báo hàng ngày của địa phương trong ba số liên tiếp.

65.3. Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.

65.4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, Ban thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

65.5. Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Công ty phải giải thể theo trình tự và quy định của pháp luật.

65.6. Việc phân chia tài sản của Công ty sau khi hoàn tất thủ tục thanh lý, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**ĐIỀU 66. Phá sản công ty**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

**ĐIỀU 67. Ban thanh lý**

67.1. Trong trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định thành lập Ban thanh lý tài sản. Ban thanh lý gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong lãnh vực thanh lý tài sản. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giữ chức Trưởng Ban thanh lý. Công ty có thể sử dụng dịch vụ tư vấn trong lãnh vực này.

67.2. Ban thanh lý là người đại diện chính thức của Công ty trong việc thực hiện các thủ tục thanh toán tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, kể cả các công việc phát sinh trong quá trình thanh lý như việc kiện tụng, công nợ,v.v...

67.3. Ban thanh lý có nhiệm vụ như sau:

- Tiến hành kiểm kê toàn bộ các tài sản của Công ty, các khoản nợ và các khoản vay để soạn thảo bản kê khai tài sản có và tài sản nợ;
- Lập kế hoạch và tiến hành thanh lý các hợp đồng và thanh toán các khoản vay nợ;
- Ban thanh lý sẽ trình biên bản thanh lý lên Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc thanh lý và thanh toán chi phí thanh lý bao gồm cả lương của các thành viên Ban thanh lý;
- Ban thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể Công ty đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

**ĐIỀU 68. Tố tụng và tranh chấp**

68.1. Tổng Giám đốc điều hành của Công ty là người đại diện của Công ty trước pháp luật trong các vụ tranh chấp, tố tụng.

68.2. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty tham gia tố tụng, giải quyết các tranh chấp bảo



Ông Oh Kyung Hee

vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty.

68.3. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông của Công ty và giữa cổ đông với Công ty được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải giữa các bên tranh chấp. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc các trường hợp không thể thương lượng bằng hòa giải được thì một hay các bên tranh chấp sẽ khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

# Chương X
# THỂ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ

## ĐIỀU 69. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

69.1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

69.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## ĐIỀU 70. Chế độ lưu trữ tài liệu của công ty

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây theo luật định:

70.1. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;

70.2. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty, giấy phép hành nghề kinh doanh chứng khoán; giấy chứng nhận các quyền sở hữu (nếu có);

70.3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

70.4. Quy chế tài chính của Công ty;

70.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;

70.6. Bản báo cáo bạch để phát hành chứng khoán;

70.7. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

70.8. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

70.9. Các tài liệu khác của Công ty và khách hàng theo quy định của pháp luật.

70.10. Tất cả văn bản bao gồm nhưng không giới hạn biên bản, quyết định, thông báo, mẫu, danh sách, công bố, quy định và sổ do Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các tổ chức và chức vụ trong Công ty phát hành hoặc soạn thảo phải được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

# Chương XI
# ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

**ĐIỀU 71. Hiệu lực thi hành**

71.1. Bản điều lệ này (Sửa đổi lần thứ 10) gồm 11 Chương 71 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ. Điều lệ này được lập thành 03 bản chính, có giá trị pháp lý như nhau.

71.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.

71.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

71.4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

71.5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc, các Trưởng Phó phòng chức năng và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

71.6. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua Nghị quyết chỉnh sửa Điều lệ của Đại hội đồng cổ đông.

**Đại diện Hội đồng quản trị của Công ty**
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**
**Kiêm Tổng Giám đốc**

S.Q.Đ: 19 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

**OH KYUNG HEE**